

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XD TM NAM KHÁNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XD TM NAM KHÁNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XD TM NAM KHANH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110624515

3. Ngày thành lập: 06/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9, đường La Dương, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977516784

Fax:

Email: xdtmnamkhanh2023@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng,	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541

11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4610
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ loại Nhà nước cấm)	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp	4669
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ tổ chức hợp báo)	8230
25.	Dịch vụ đóng gói	8292
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
27.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
28.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
29.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8531
30.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8532

31.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8533
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ Dạy về tôn giáo và Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
38.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
39.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
40.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sửa chữa xe đạp - Sửa chữa quần áo - Sửa chữa đồ trang sức - Sửa chữa đồng hồ, dây, hộp đồng hồ... - Sửa chữa nhạc cụ, sách, đồ dùng cá nhân và gia đình khác.	9529
41.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
42.	Lập trình máy vi tính	6201
43.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
44.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
45.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng	7110
47.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
48.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
49.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

51.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không) (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
52.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)	7320
53.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
54.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; hoạt động môi giới bản quyền, Tư vấn chứng khoán)	7490
55.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô (Trừ cho thuê ô tô có lái xe đi kèm và cho thuê tài chính)	7710
56.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
57.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
58.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
59.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
60.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
61.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
62.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác	2029
63.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
64.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
65.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
66.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
67.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
68.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
69.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
70.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
71.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (Không bao gồm kim loại là vàng)	2511
72.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Không bao gồm kim loại là vàng)	2512
73.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không bao gồm kim loại là vàng)	2592
74.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599

75.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
76.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
77.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
78.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
79.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
80.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
81.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
82.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
83.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
84.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
85.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
86.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
87.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
88.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
89.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
90.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
91.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
92.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
93.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
94.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động của đấu giá viên, trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4789
95.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)/ (Không bao gồm hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
96.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
97.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
98.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
100.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224

101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa (Không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
102.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
103.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
104.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
105.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
106.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
107.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm)	7810
108.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
109.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
110.	Đại lý du lịch	7911
111.	Điều hành tua du lịch	7912
112.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
113.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
114.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
115.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
116.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
117.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn	3290
118.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
119.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
120.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
121.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
122.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
123.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
124.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
125.	Xây dựng nhà không để ở	4102
126.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

127.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
128.	Xây dựng công trình điện	4221
129.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
130.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
131.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
132.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
133.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
134.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
135.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
136.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
137.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 980.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ TÀI ĐỨC	Căn hộ số 2, tầng 18 tháp B CT1- CT2, Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	392.000	3.920.000.000	40,000	0300840124 15	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	392.000	3.920.000.000	40,000		
2	NGUYỄN NGỌC LONG	Xóm Bắc Sơn, Xã Việt Hùng, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.000	2.940.000.000	30,000	0360850147 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	294.000	2.940.000.000	30,000		

3	HOÀNG QUỐC VIỆT	Xóm Vực, Xã Thanh Liet, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.000	2.940.000.000	30,000	0300800047 72
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	294.000	2.940.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN NGOC LONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/09/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036085014791

Ngày cấp: 03/09/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm Bắc Sơn, Xã Việt Hùng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Bắc Sơn, Xã Việt Hùng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội